

Phụ biểu 02: Điều chỉnh Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025

Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				Thị trấn Cẩm Khê	Xã Điều Lương	Xã Đồng Lương	Xã Hùng Việt	Xã Hương Lung	Xã Minh Tân	Xã Minh Thắng	Xã Nhật Tiến	Xã Phong Thịnh	Xã Phú Khê	Xã Phượng Vĩ	Xã Tam Sơn	Xã Tiên Lương	Xã Tùng Khê	Xã Văn Bản	Xã Yên Dương
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	6,69	3,99	0,01	-	0,88	-	-	-	-	0,84	0,19	0,01	-	0,77	-	-	-
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,05	0,05	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,01	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,01	-	-	-
2.4	Đất quốc phòng	CQP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất an ninh	CAN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	3,60	2,73	-	-	-	-	-	-	-	-	0,69	0,18	-	-	-	-	-
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	3,42	2,73	-	-	-	-	-	-	-	-	0,69	-	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.3	Đất thương mại dịch vụ	TMD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,18	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,18	-	-	-	-	-	-
2.7.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3,03	1,21	0,01	-	0,88	-	-	-	-	-	0,15	0,01	0,01	-	0,76	-	-
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	2,34	0,74	-	-	0,87	-	-	-	-	-	-	0,01	-	-	0,72	-	-
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	0,42	0,21	0,01	-	-	-	-	-	-	-	0,15	-	0,01	-	0,04	-	-
2.8.3	Đất có di tích - lịch sử văn hóa, danh	DDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]